

PHƯƠNG ÁN

Sắp xếp các thôn, bản trên địa bàn xã Quỳ Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi là Kết luận 34);

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi là Nghị định 185);

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi là Chỉ thị 21);

Căn cứ Công văn số 5620/UBND-TH ngày 22/5/2026 của UBND tỉnh về việc khẩn trương triển khai các nhiệm vụ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

UBND xã Quỳ Châu xây dựng Phương án sắp xếp thôn, bản hiện trên địa bàn xã Quỳ Châu, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP THÔN, BẢN

Quỳ Châu là một xã miền núi nằm ở phía Tây của tỉnh Nghệ An, xã được thành lập theo Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An năm 2025. Xã được sáp nhập từ 04 xã, thị trấn cũ (xã Châu Hạnh, xã Châu Hội, xã Châu Nga và thị trấn Tân Lạc thuộc huyện Quỳ Châu cũ, tỉnh Nghệ An).

Hiện nay, xã Quỳ Châu có diện tích tự nhiên: 327,53 km², bao gồm 30 thôn, bản với 5385 hộ, 22.950 khẩu.

Trong những năm qua, hoạt động của thôn, bản trên địa bàn xã đã đạt được những kết quả tích cực, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của Cấp ủy đảng, Chính quyền, Mặt trận tổ

quốc và các Tổ chức chính trị - xã hội cấp trên được triển khai thực hiện kịp thời, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, hiệu quả, góp phần phát triển sản xuất, xây dựng và phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống của địa phương; phòng chống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xóa bỏ hủ tục lạc hậu, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ môi trường; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng dân cư.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, kết quả đã đạt được, công tác tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố cũng còn nhiều tồn tại, bất cập, quy mô thôn, bản nhỏ, manh mún, chưa bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, làm phát sinh tổ chức, tăng đầu mối quản lý, tăng số lượng người hoạt động không chuyên trách, gây áp lực chi ngân sách địa phương, và khối lượng công việc cho chính quyền địa phương trong quản lý, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của Chi bộ, Chi hội, Đoàn thể và khó khăn trong việc huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư để tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trọng tâm, trọng điểm.

Việc sắp xếp lại thôn, bản là cần thiết nhằm tinh gọn tổ chức ở khu dân cư, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở; giảm đầu mối, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách, góp phần tiết kiệm ngân sách nhà nước và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư. Bên cạnh đó, việc sắp xếp còn tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tập trung đầu tư, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Đồng thời, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã. Đối với các địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, việc sắp xếp thôn, bản còn giúp khắc phục tình trạng chia cắt dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận các dịch vụ công, chính sách an sinh xã hội, giáo dục, y tế và các chương trình hỗ trợ của Nhà nước.

Việc sắp xếp lại thôn, bản đồng thời để thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, phấn đấu mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

II. HIỆN TRẠNG CÁC THÔN, BẢN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ QUỖ CHÂU TRƯỚC KHI SẮP XẾP

1. Hiện trạng về số hộ, số nhân khẩu và diện tích các thôn, bản:

Xã Quỳnh Châu hiện có 30 thôn, bản; có diện tích tự nhiên: 327,521 km², có 5385 hộ và 22.950 khẩu, trong đó:

Số lượng thôn, bản chưa đạt tiêu chí theo quy định (*từ 350 hộ trở lên*) tại Nghị định 185: 30 thôn, bản, cụ thể như sau:

TT	Tên thôn, bản	Số hộ	Số nhân khẩu (Thường trú)		Diện tích tự nhiên (Km2)	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Người DTTS		
1	Thôn 1	204	795	298	0,15	
2	Thôn 2	198	816	33	0,9	
3	Thôn 3	212	787	195	0,2	
4	Thôn 4	179	683	285	0,32	
5	Thôn Tân Hương	217	810	102	2,82	
6	Thôn Hoa Hải	241	1006	231	1,09	
7	Bản Hạnh Tiến	148	541	53	6,92	
8	Bản Tà Lạnh	113	467	266	6,68	
9	Bản Minh Tiến	165	732	659	6,86	
10	Bản Minh Châu	75	369	353	14,58	
11	Bản Đồng Minh	184	821	796	13,58	
12	Bản Kê Bọn	242	1025	915	13,57	
13	Bản Na Xén	151	719	716	9,76	
14	Bản Tà Sỏi	245	1104	1052	20,06	
15	Bản Thuận Lập	125	608	596	10,13	
16	Bản Định Tiến	221	973	946	10,09	
17	Bản Kê Ninh	200	918	887	9,99	
18	Bản Lâm Hội	249	964	64	3,28	
19	Bản Việt Hương	169	627	74	8,42	
20	Bản Khúm	198	860	818	7,91	
21	Bản Hội 1	171	766	552	6,43	
22	Bản Hội 2	162	743	719	5,58	
23	Bản Hội 3	102	475	431	10,09	
24	Bản Lê	197	966	957	5,61	
25	Bản Khun	224	1003	856	17,49	
26	Bản Tẩn	140	674	650	13,93	
27	Bản Xón	94	432	417	20,16	
28	Bản Na Pùa	191	772	748	34,32	
29	Bản Poọng	178	711	686	33,69	
30	Bản Mùn	190	783	838	33,05	
	TỔNG	5.385	22.950	16.193	327,521	

2. Hiện trạng về người hoạt động không chuyên trách, Đảng viên, hội viên, đoàn viên ở các thôn, bản:

TT	Thôn, bản	Số người hoạt động không chuyên trách	Số Đảng viên chi bộ	Thành viên BCT Mặt trận	Hội viên Chi hội PN	Hội viên chi hội CCB	Hội viên chi hội ND	Đoàn viên chi đoàn TN
1	Thôn 1	3	58	9	78	44	54	27
2	Thôn 2	2	25	11	75	35	40	18
3	Thôn 3	3	74	9	89	41	25	21
4	Thôn 4	3	89	10	77	38	17	12
5	Thôn Tân Hương	3	27	8	78	31	32	11
6	Thôn Hoa Hải	3	24	9	92	30	71	5
7	Bản Hạnh Tiến	3	10	9	73	16	40	7
8	Bản Tà Lạnh	3	35	9	78	21	38	3
9	Bản Minh Tiến	3	42	7	76	33	70	5
10	Bản Minh Châu	3	27	9	71	26	64	6
11	Bản Đồng Minh	3	65	10	85	40	105	5
12	Bản Kẻ Bọn	3	70	11	118	38	125	45
13	Bản Na Xén	3	20	9	86	16	96	26
14	Bản Tà Sỏi	3	21	9	82	24	102	19
15	Bản Thuận Lập	3	12	7	99	16	66	8
16	Bản Định Tiến	3	11	9	99	17	106	14
17	Bản Kẻ Ninh	3	18	11	117	12	130	42
18	Bản Lâm Hội	2	54	11	112	34	59	34
19	Bản Việt Hương	3	16	7	171	20	92	13
20	Bản Khứm	3	23	7	106	24	132	26
21	Bản Hội 1	3	35	9	106	25	121	24
22	Bản Hội 2	3	24	7	103	19	129	38
23	Bản Hội 3	3	26	9	84	24	94	14
24	Bản Lè	3	47	7	138	36	140	27
25	Bản Khun	3	26	11	159	46	115	36
26	Bản Tẩn	3	23	9	123	14	111	26
27	Bản Xón	3	9	5	105	18	79	11
28	Bản Na Pù	3	28	10	103	20	124	33
29	Bản Poọng	3	37	9	108	24	71	23
30	Bản Mùn	2	12	9	112	16	82	41
	TỔNG	87	1.745	266	3.003	798	2.530	620

3. Hiện trạng về nhà văn hoá và khu thể thao các thôn, bản:

T T	Thôn, bản	Nhà văn hoá				Khu thể thao				
		Có nhưng chưa đạt chuẩn	Có và đạt chuẩn theo quy định	Diện tích nhà văn hoá (m ²)	Giá trị đến thời điểm hiện tại (Tỷ đồng)	Chưa có	Có nhưng chưa đạt chuẩn	Có và đạt chuẩn theo quy định	Diện tích khu thể thao (m ²)	Giá trị đến thời điểm hiện tại (Tỷ đồng)
1	Thôn 1		x	96	0,33702		x		170	
2	Thôn 2		x	96	0,33702			x	358	
3	Thôn 3		x	120	0,684564			x	400	
4	Thôn 4		x	96	0,578827		x		170	
5	Tân Hương		x	96	0,578827			x	263	
6	Hoa Hải		x	72	0,36025			x	150	
7	Hạnh Tiến		x	220	1,681			x	530	
8	Tà Lạnh		x	96	0,684564	x				
9	Minh Tiến		x	270	1,400			x	2243	
10	Minh Châu	x	x	72	0,216	x				
11	Đồng Minh		x	72	0,216			x	1494,2	
12	Kẻ Bọn		x	270	1,400			x	2413,5	
13	Na Xén	x		72	0,216	x				
14	Tà Sỏi		x	270	1,681			x	2110,5	
15	Thuận Lập		x	140	1,681			x	1887,3	
16	Định Tiến		x	120	0,843260			x	384,7	
17	Kẻ Ninh		x	78	0,216			x	576,1	
18	Lâm Hội		x	270	1,486			x	1900	
19	Việt Hương		x	270	1,486			x	380	
20	Bản Khúm		x	270	1,403			x	320	
21	Bản Hội 1		x	120	1,063			x	6545,3	
22	Bản Hội 2	x		270	1,486			x	360	
23	Bản Hội 3		x	72	0,216	x				
24	Bản Lè		x	290	0,216			x	1500	
25	Bản Khun		x	270	1,487			x	320	
26	Bản Tẩn	x		72	0,216	x				
27	Bản Xón	x		72	0,216	x				

28	Bản Na Pù		x	270	1,681			x	380	
29	Bản Poọng	x		270	0,360	x				
30	Bản Mùn		x	270	1.063.540		x		170	
	TỔNG	6	24			7	3	20		

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN, BẢN

Trên cơ sở 30 thôn, bản hiện có, UBND xã Quỳ Châu xây dựng phương án sắp xếp 30 thôn, bản thành 12 bản; loại hình dân cư thống nhất chung là “bản”, cụ thể:

1. Sắp xếp nguyên trạng các thôn, bản cũ thành bản mới:

1.1. Sáp nhập toàn bộ Thôn 1 (204 hộ, 795 người, diện tích: 0,237 km²) và thôn 2 (198 hộ, 816 người, diện tích: 0,688 km²) và thôn 3 (212 hộ, 787 người, diện tích: 0,267 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Tân Lạc.

- Lý do sắp xếp: Các thôn ở liền kề nhau, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Tân Lạc gắn với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất Tân Lạc cũ.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Thôn 3 cũ.

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Thôn 2 cũ.

- Sau khi sắp xếp, bản Tân Lạc có 614 hộ, 2.398 người, diện tích: 1,459 km² (ngoài diện tích của 03 bản nêu trên, bản Tân Lạc mới được mở rộng thêm diện tích 0,267 km² từ bản Kẻ Bọn cũ và bản Đồng Minh cũ).

1.2. Sáp nhập toàn bộ bản Kẻ Bọn (242 hộ, 1.025 người, diện tích: 6,771 km²) và bản Na Xén (151 hộ, 719 người, diện tích: 9,76 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Kẻ Bọn.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Kẻ Bọn gắn với Truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất Kẻ Bọn cũ.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Kẻ Bọn cũ

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Kẻ Bọn cũ

- Sau khi sắp xếp, bản Kẻ Bọn có 393 hộ, 1.744 người, diện tích: 21,459 km² (ngoài diện tích của 02 bản nêu trên, bản Kẻ Bọn mới được mở rộng thêm phần diện tích 4,928 km² từ bản Đồng Minh cũ).

1.3. Sáp nhập toàn bộ Thôn Tân Hương (217 hộ, 810 người, diện tích: 2,82 km²) và bản Tà Sỏi (245 hộ, 1104 người, diện tích: 20,06 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Tân Hương.

- Lý do sắp xếp: Các thôn, bản ở liền kề nhau, kết nối giao thông thuận lợi.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Tân Hương gắn với Truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất cũ.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Tà Sỏi cũ.

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Thôn Tân Hương cũ.

- Sau khi sắp xếp, bản Tân Hương có 462 hộ, 1.914 người, diện tích: 29,684 km² (ngoài diện tích của 02 bản sáp nhập nguyên trạng, bản Tân Hương mới được mở rộng thêm diện tích 6,804 km² từ bản Kẻ Bọn cũ).

1.4. Sáp nhập toàn bộ thôn Hoa Hải (241 hộ, 1.006 người, diện tích: 1,09 km²) và bản Thuận Lập (125 hộ, 608 người, diện tích: 11,092 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Hoa Hải.

- Lý do sắp xếp: Các thôn, bản ở liền kề nhau, kết nối giao thông thuận lợi, cùng tuyến.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi Bản Hoa Hải gắn với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất Tân Lạc cũ.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Hoa Hải cũ

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Nhà văn hóa bản Thuận Lập cũ

- Sau khi sắp xếp, bản Hoa Hải có 366 hộ, 1.614 người, diện tích: 12,182 km².

1.5. Sáp nhập toàn bộ bản Kẻ Nính (200 hộ, 918 người, diện tích: 10.852 km²) và bản Định Tiến (221 hộ, 973 người, diện tích: 10,09 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Kẻ Nính.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi và cùng tuyến.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Kẻ Nính gắn với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất Kẻ Nính cũ.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Định Tiến

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Định Tiến

- Sau khi sắp xếp, bản Kẻ Nính có 421 hộ, 1.891 người, diện tích: 27,655 km² (ngoài diện tích của 02 bản nêu trên, bản Kẻ Nính mới được mở rộng thêm diện tích 6,713 km² từ bản Hạnh Tiến cũ).

1.6. Sáp nhập toàn bộ bản Việt Hương (169 hộ, 627 người, diện tích: 4.364 km²) và bản Khứm (198 hộ, 860 người, diện tích: 7,91 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Việt Hương.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề giáp ranh với nhau, kết nối giao thông cơ bản thuận lợi; từ nhiều năm nay, con cháu người dân ở bản Khứm đã theo học tại điểm trường bản Việt Hương.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Việt Hương gắn với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất cũ Việt Hương, gợi nhớ đến mảnh đất có kiêu bào người Việt hồi hương.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Việt Hương cũ.

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Việt Hương cũ.

- Sau khi sắp xếp, bản Việt Hương có 367 hộ, 1.487 người, diện tích: 12,274 km².

1.7. Sáp nhập toàn bộ bản Khun (224 hộ, 1.003 người, diện tích: 17,49 km²) và bản Lè (197 hộ, 966 người, diện tích: 5,61 km²) và bản Xón (94 hộ, 423 người, diện tích: 16,312km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Khun.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau cùng tuyến, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi, có 02 tuyến đường liên thông.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Khun gắn với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất Châu Hội cũ.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Khun cũ.

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Khun cũ.

- Sau khi sắp xếp, bản Khun có 515 hộ, 2.401 người, diện tích: 39,412km².

1.8. Sáp nhập toàn bộ bản Murn (190 hộ, 783 người, diện tích: 33,05km²) và bản Na Pùa (191 hộ, 772 người, diện tích: 34,32 km²) và bản Poọng (178 hộ, 711 người, diện tích: 33,695 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Châu Nga (phương án 2 lấy tên bản Murn).

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau trong cùng một vùng; vùng dân cư tập trung không quá rộng, 3 bản sát liền kề, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi Bản Murn gắn với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất cũ Mường Murn.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Na Pùa cũ

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Na Pùa cũ

- Sau khi sắp xếp, bản Murn có 559 hộ, 2.266 người, diện tích: 101,065 km².

2. Sắp xếp một phần thôn, bản cũ thành bản mới:

2.1. Sáp nhập toàn bộ thôn 4 (179 hộ, 683 người, diện tích: 0,32 km²) và bản Hạnh Tiến (148 hộ, 541 người, diện tích: 0,237 km²) và bản Tà Lạnh (113 hộ, 467 người, diện tích: 6,68 km²) và một cụm dân cư Đồng Minh (9 hộ, 39 người, diện tích: 0,012 km²) và một cụm dân cư bản Minh Tiến (07 hộ, 25 người, diện tích: 0,024 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Tân Thịnh.

- Lý do sắp xếp: Các thôn, bản ở liền kề nhau, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi dọc 2 bên tuyến đường quốc lộ 48 từ Khối 4 cũ đến hết bản Hạnh Tiến.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Tân Thịnh gắn với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất cũ (trước đây đã có tên gọi là Tân Thịnh, với mong muốn đời sống nhân dân ngày càng phát triển, thịnh vượng).

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Hạnh Tiến cũ.

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Hạnh Tiến cũ.
- Sau khi sắp xếp, bản Tân Thịnh có 456 hộ, 1755 người, diện tích: 7,273 km².

2.2. Sáp nhập toàn bộ bản Minh Châu (75 hộ, 369 người, diện tích: 14,58 km²) và bản Minh Tiến (158 hộ, 707 người, diện tích: 6,68 km²) và bản Đồng Minh (175 hộ, 860 người, diện tích: 6,528 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Đồng Minh.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau trong cụm vùng, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Đồng Minh gắn với truyền thống văn hóa, lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất cổ có tên là Mường Miếng hay bản Cáng. Tên gọi "Đồng Minh" đã được xuất hiện trong thời kỳ xây dựng hợp tác xã, mang ý nghĩa tinh thần đoàn kết của cộng đồng người dân tộc Thái.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Minh Tiến cũ.
- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Minh Tiến cũ.
- Sau khi sắp xếp, bản Đồng Minh có 408 hộ, 1858 người, diện tích: 27,788 km².

2.3. Sáp nhập toàn bộ bản Lâm Hội (249 hộ, 964 người, diện tích: 3,278 km²) và bản Hội 1 (171 hộ, 766 người, diện tích: 4,718 km²) và cụm dân cư bản Hội 2 (19 hộ, 82 người, diện tích: 0,654 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Châu Hội (phương án 2 lấy tên là bản Lâm Hội).

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Lâm Hội gắn với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất cũ.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Lâm Hội cũ.
- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Hội 1 cũ.
- Sau khi sắp xếp, bản Lâm Hội có 439 hộ, 1.812 người, diện tích: 12,706 km² (ngoài diện tích của 03 bản nêu trên, bản Lâm Hội mới được mở rộng thêm diện tích 4,056 km² từ bản Việt Hương cũ).

2.4. Sáp nhập toàn bộ bản Tản (140 hộ, 674 người, diện tích: 17,794 km²) và bản Hội 3 (102 hộ, 475 người, diện tích: 10,09 km²) và bản Hội 2 (143 hộ, 661 người, diện tích: 4,926 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Tản.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Tản gắn với Truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất cũ.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Hội 2 cũ
- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Hội 2 cũ

- Sau khi sắp xếp, bản Tản có 385 hộ, 1.810 người, diện tích: 34,522 km² (ngoài diện tích của 03 bản nêu trên, bản Tản mới được mở rộng thêm diện tích 1,712 km² từ bản Hội 1 cũ).

3. Kết quả sắp xếp:

Sau khi sắp xếp, xã Quý Châu có 12 bản, bao gồm:

TT	Tên thôn mới	Số hộ	Số khẩu	Diện tích (km ²)	Ghi chú
1	Bản Tân Lạc	614	2.398	1,459	
2	Bản Tân Thịnh	456	1755	7,273	
3	Bản Đồng Minh	408	1858	27,788	
4	Bản Kẻ Bọn	393	1.744	21,459	
5	Bản Tân Hương	462	1.914	29,684	
6	Bản Hoa Hải	366	1614	12,182	
7	Bản Kẻ Ninh	421	1.891	27,655	
8	Bản Việt Hương	367	1487	12,274	
9	Bản Lâm Hội	434	1812	12,706	
10	Bản Tản	390	1810	34,522	
11	Bản Khun	515	2.401	39,412	
12	Bản Mùn	559	2.266	101,065	
Tổng cộng		5385	22.950	327,479	

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi Phương án sắp xếp Khối, xóm, thôn, bản của xã Quý Châu được cấp có thẩm quyền phê duyệt; UBND xã tham mưu, tổ chức thực hiện các bước hoàn thành sắp xếp như sau:

1. Xây dựng Đề án:

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa – Xã hội.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 06/6/2026

2. Báo cáo UBND xã về Đề án sáp nhập thôn

- Báo cáo Ban chấp hành Đảng bộ xã theo quy định.
- Báo cáo Sở Nội vụ về chốt phương án sắp xếp.
- Cơ quan báo cáo: UBND xã (Phòng Văn hóa – Xã hội tham mưu).
- Thời gian thực hiện: Báo cáo Sở Nội vụ chậm nhất ngày 20/6/2026; báo cáo Ban chấp hành Đảng bộ xã chậm nhất ngày 25/6/2026.

3. Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã về Đề án sắp xếp

- Cơ quan báo cáo: UBND xã.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 25/6/2026.

4. Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân:

- Hình thức lấy ý kiến: Phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình hoặc tổ chức họp đại diện cử tri hộ gia đình hoặc kết hợp cả 2 hình thức trên.

- Cơ quan lấy ý kiến: UBND xã tổ chức lấy ý kiến, phối hợp Mặt trận tổ quốc và các tổ chức Chính trị xã hội và thôn, bản.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 18/6/2026.

5. Trình HĐND cấp xã quyết định:

- Cơ quan trình: UBND xã.

- Cơ quan quyết định: Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 25/6/2026.

6. Kiện toàn tổ chức bộ máy:

Kiện toàn tổ chức bộ máy sắp xếp thôn, bản (loại hình dân cư thống nhất là “bản”; bố trí người hoạt động không chuyên trách; quyết định chỉ định trưởng bản lâm thời (nếu có).

- Cơ thực hiện: UBND xã, cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày 30/6/2026.

V. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn cụ thể nội dung thôn, bản trong các trường hợp đặc thù quy định tại điểm a, Khoản 3, Điều 10 của Nghị định 185/NĐ-CP ngày 26/5/2026; trên cơ sở đó để căn cứ tính khoản quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo điểm a, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 185/NĐ-CP ngày 26/5/2026 “*thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn được khoán quỹ phụ cấp bằng 8,0 lần mức lương cơ sở*”.

2. Xem xét, cho ý kiến về phương án sắp xếp thôn, bản trên địa bàn xã Quỳnh Châu để UBND xã triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là Phương án sắp xếp 30 thôn, bản trên địa bàn xã Quỳnh Châu thành 12 bản mới. UBND xã Quỳnh Châu báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã (để b/c);
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH (để p/h);
- Ban Xây dựng Đảng (để b/c);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- BQL 30 thôn, bản (để t/h);
- Trung tâm cung ứng DVC xã (để đưa tin);
- Lưu: VT, VHXX (Phong).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dũng